

Số: 37 /KH-UBND

Hung Hà, ngày 13 tháng 5 năm 2019

KẾ HOẠCH

Vận động, ủng hộ để mua sắm nội thất đền thờ tại khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hung Hà

Tam nguyên Bảng nhãn Lê Quý Đôn tự là Doãn Hậu hiệu là Quế Đường. Ông sinh tại thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình. Lê Quý Đôn học rộng, biết nhiều, theo thống kê chưa đầy đủ số lượng các tác phẩm có tới 40 bộ với hàng trăm quyển. Đặc biệt tác phẩm “Phủ biên tạp lục” gồm 6 quyển, được đánh giá là tài liệu cổ mô tả chi tiết nhất về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa với ba vấn đề chính: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; đặc điểm, hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải; khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Để thể hiện lòng tri ân đối với Nhà Bác học Lê Quý Đôn, đồng thời tăng cường giáo dục, phát huy truyền thống văn hóa, văn hiến của quê hương Hưng Hà, Thái Bình, tạo điều kiện phát triển ngành du lịch Hưng Hà, Thái Bình. Được sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng, Nhà nước, các Bộ, Ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn tại xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, tỉ lệ 1/500 tại Quyết định số 2339/QĐ-UBND, ngày 28/10/2013 với tổng diện tích 197.288m² và thiết kế thi công giai đoạn 1, gồm các hạng mục cơ bản như: Sân nền và đắp đồi thấp phía sau Đền thờ Lê Quý Đôn; Hồ nước; Đền thờ Lê Quý Đôn; Cổng và tường rào; Nhà vệ sinh công cộng; Sân, đường dạo và tiêu cảnh (Trục hành lễ và Sân lễ hội); trồng cây xanh... Đến nay, các hạng mục như: Đền thờ, Cổng, Nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện; Sân, đường dạo và tiêu cảnh, cây xanh và 3 mặt tường rào của khu quy hoạch đã hoàn thiện. Tuy nhiên, hạng mục Đền chính chưa thể khai thác sử dụng phục vụ nhu cầu chiêm bái và tín ngưỡng của nhân dân do chưa thực hiện được phần nội thất thờ tự phía trong Đền.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại văn bản số 3024/UBND-TH ngày 09/8/2017 về việc triển khai giai đoạn 2 dự án đầu tư xây dựng Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, (trong đó: Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép UBND huyện Hưng Hà triển khai đầu tư nội thất đền thờ bằng nguồn vốn xã hội hóa và ủy quyền UBND huyện triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước). Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà xây dựng Kế hoạch vận động, ủng hộ để mua sắm nội thất đền thờ tại Khu Lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn, với nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

- Huy động nguồn lực xã hội hóa để hoàn thiện nội thất trong Đền thờ tại tòa Tiền tế, Ông muống và Hậu cung, dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 5,5 tỷ đồng; Làm cho Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn tại xã Độc Lập, huyện Hưng Hà thêm uy nghiêm, xứng đáng với công lao của Nhà bác học. Góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương xã hội hóa, giảm bớt khó khăn về vốn đầu tư công, cho ngân sách Nhà nước.

- Nhằm giáo dục, phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa, văn hiến, yêu nước, cách mạng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của Hưng Hà trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh to lớn, niềm tự hào, hành trang và động lực cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh để học tập, lao động, sản xuất, lập nghiệp, góp phần cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân; Huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế, xây dựng Hưng Hà nói riêng và Thái Bình trở thành địa phương giàu đẹp, văn minh, phát triển bền vững.

2. Yêu cầu:

- Cuộc vận động phải được triển khai sâu rộng trong cán bộ, Đảng viên trong các địa phương, cơ quan, đoàn thể, các doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện, người Hưng Hà và các nhà hảo tâm đang sinh sống, lao động, học tập, công tác trong và ngoài nước tích cực tham gia ủng hộ.

III. Nguyên tắc, đối tượng và mức vận động

1. Nguyên tắc vận động:

- Cuộc vận động dựa theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, không kèm theo các điều kiện khi phát tâm công đức.

- Mọi sự ủng hộ bằng tiền hoặc vật chất đều được quản lý, sử dụng, công khai, minh bạch, đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả theo quy định của Nhà nước.

- Trường hợp công đức bằng hiện vật phải đảm bảo theo đúng thiết kế đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối tượng vận động:

- Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương; hưởng phụ cấp; cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ quan, đơn vị của huyện, của Trung ương, của tỉnh, đóng trên địa bàn huyện.

- Các doanh nghiệp, doanh nhân trong và ngoài huyện.

- Các trường học trong huyện và các trường học được vinh dự mang tên Nhà Bác học Lê Quý Đôn trong cả nước.

- Dòng họ Lê Quý và hậu duệ của Nhà Bác học Lê Quý Đôn.
- Các tầng lớp nhân dân, các nhà hảo tâm đang sinh sống, lao động và học tập trong và ngoài nước.

3. Mức vận động:

- Đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức đoàn thể, cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ công chức xã, thị trấn, công ty, xí nghiệp phấn đấu ủng hộ từ 01 ngày lương (hoặc ngày thu nhập)/người trở lên.

- Các tổ chức, doanh nghiệp, các doanh nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài huyện, con cháu dòng họ Lê Quý, con em Hưng Hà đang công tác, học tập và lao động trong và ngoài nước hướng về quê hương, tự nguyện phát tâm công đức, ủng hộ với tinh thần cao nhất.

4. Thời gian thực hiện: Từ 18/5/2019-30/9/2019, cao điểm từ ngày 18/5/2019, (Ngày giỗ của Nhà bác học Lê Quý Đôn - 14/4/Âm lịch) đến 30/6/2019 để kỷ niệm 293 năm ngày sinh của Nhà Bác học Lê Quý Đôn (02/8/2019).

III. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện là cơ quan thường trực thực hiện kế hoạch vận động này, có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch vận động, ủng hộ đối với các đơn vị, địa phương theo số biên chế, quỹ tiền lương (hoặc thu nhập) thực tế.

2. Văn phòng HĐND-UBND huyện chủ trì, phối hợp với văn phòng Huyện ủy tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện phân công các đồng chí lãnh đạo huyện phụ trách từng lĩnh vực vận động, thành lập các đoàn công tác đi vận động các tổ chức, cá nhân và các Hội đồng hương người Hưng Hà tại các tỉnh thành trong cả nước.

3. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện có thư kêu gọi các tổ chức thành viên và mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng.

4. Hiệp hội Doanh nghiệp huyện triển khai tới các tổ chức thành viên, huy động tối đa sự đóng góp của hội viên.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan tuyên truyền thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa, giá trị nhân văn sâu sắc của công trình Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn tại xã Độc Lập, huyện Hưng Hà.

6. Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc các cơ sở giáo dục thực hiện kế hoạch vận động, ủng hộ theo kế hoạch được huyện giao cho toàn ngành, mở tài khoản tiếp nhận kinh phí ủng hộ trước khi chuyển khoản về tài khoản của Ban quản lý các dự án huyện.

7. Đề nghị Liên đoàn Lao động huyện chủ động phối hợp với chủ sử dụng lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện để tổ

chức tuyên truyền vận động 100% đoàn viên, công nhân lao động tích cực tham gia ủng hộ .

8. Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Độc Lập đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chú trọng kêu gọi sự đóng góp của con em xa quê, nhất là huy động sự tham gia của dòng họ Lê và hậu duệ của nhà bác học Lê Quý Đôn trong và ngoài nước.

9. Đề nghị cấp ủy đảng, chính quyền, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, các xã, thị trấn tập trung tuyên truyền, quán triệt và huy động sự đóng góp, ủng hộ của cán bộ, Đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân của các địa phương, đơn vị mình để thực hiện vận động đạt kết quả cao nhất,

10. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phương án phân chia các hạng mục đầu tư nội thất theo nhóm và mức đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức lựa chọn mục đầu tư bằng hiện vật. Hoàn thành trước ngày 10/5/2019.

- Tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện vận động ủng hộ. Quản lý sử dụng nguồn kinh phí vận động đúng mục đích, công khai, minh bạch, thực hiện thanh, quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

- Mọi đóng góp, ủng hộ, phát tâm công đức của các tổ chức, cá nhân, đơn vị, đề nghị chuyển về tài khoản: **0211000531016** của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà. Tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình.

Trên đây là Kế hoạch vận động, ủng hộ để mua sắm nội thất đèn thờ tại Khu Lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn của Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà. Đề nghị các đồng chí Lãnh đạo Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện; các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh trong đối tượng vận động, tích cực hưởng ứng, triển khai, thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Lãnh đạo HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- Cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Cơ quan của TW, của Tỉnh trên địa bàn huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Hội Đồng hương huyện Hưng Hà ở các tỉnh thành cả nước;
- Các Trường học mang tên Lê Quý Đôn trong cả nước;
- Lưu: VT, TCKH. *Thư*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Dương



KẾ HOẠCH VẬN ĐỘNG ỦNG HỘ MUA SẴM NỘI THẤT ĐÈN THỜ KHU LƯU NHÀ BÁC HỌC NIỆM LÊ QUÝ ĐÓN

TẠI XÃ ĐỘC LẬP, HUYỆN HUNG HÀ


(Kèm theo Kế hoạch số 37 /KH-UBND ngày 13/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
1	2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
	Tổng cộng			1.535.603	1.143.603	392.000	
I	Các cơ quan TW, của tỉnh đóng trên địa bàn	1.005	6.753.914	259.766	259.766	-	
1	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà	154	644.913	24.804	24.804		
2	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	80	503.769	19.376	19.376		
3	Trường PTTH Bắc Duyên Hà	78	498.471	19.172	19.172		
4	Trường PTTH Hưng Nhân		449.891	17.304	17.304		
5	Trường PTTH Đông Hưng Hà	67	400.581	15.407	15.407		
6	Trường PTTH Nam Duyên Hà	61	403.473	15.518	15.518		
7	Tòa án nhân dân huyện	16	69.079	2.657	2.657		
8	Viện kiểm sát nhân dân huyện	18	119.596	4.600	4.600		
9	Chi cục thi hành án huyện	10	68.274	2.626	2.626		
10	Chi cục Thuế huyện	41	389.846	14.994	14.994		
11	Kho bạc nhà nước huyện	14	53.170	2.045	2.045		
12	Chi cục thống kê	5	28.578	1.099	1.099		
13	Chi cục dự trữ quốc gia		56.017	2.155	2.155		
14	Công an huyện	156	1.080.002	41.539	41.539		

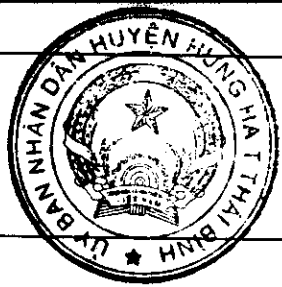
STT	Đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
1	2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
15	Ban Chỉ huy	53	558.175	21.468	21.468		
16	Trung tâm y tế	47	312.179	12.007	12.007		
17	Trung tâm y tế (khối trạm y tế xã)	205	1.117.900	42.996	42.996		
II Các đơn vị thuộc cấp huyện			1.472.061	56.618	56.618		
1	Văn phòng Huyện ủy	33	290.464	11.172	11.172		
2	Văn phòng HĐND & UBND	19	122.479	4.711	4.711		
3	Phòng Tư pháp	4	24.270	933	933		
4	Phòng Nông nghiệp & PTNT	9	59.753	2.298	2.298		
5	Phòng Kinh Tế - Hạ tầng	9	67.116	2.581	2.581		
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	12	62.757	2.414	2.414		
7	Phòng Giáo dục & Đào tạo	8	58.470	2.249	2.249		
8	Phòng Nội vụ	7	39.670	1.526	1.526		
9	Phòng Lao động Thương binh xã hội	8	45.996	1.769	1.769		
10	Phòng Tài nguyên Môi trường	6	34.919	1.343	1.343		
11	Phòng Y tế	1	10.275	395	395		
12	Thanh tra huyện	3	22.912	881	881		
13	Phòng Văn hoá và thông tin	4	24.817	954	954		
14	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	5	42.929	1.651	1.651		
15	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2	13.223	509	509		
16	Hội Phụ nữ huyện	4	29.488	1.134	1.134		
17	Hội Nông dân huyện	4	30.921	1.189	1.189		
18	Hội Cựu chiến binh huyện	4	26.826	1.032	1.032		



Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
			Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
19 Trung tâm Giáo dục NN & DN (Giáo dục)	28	180.788	6.953	6.953		
20 Trung tâm Giáo dục NN & DN (Đào tạo)	11	68.508	2.635	2.635		
21 Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	4	29.105	1.119	1.119		
22 Trung tâm Văn hoá Thông tin thể thao	18	67.132	2.582	2.582		
23 Đài phát thanh	10	31.785	1.223	1.223		
24 Trung tâm Hội nghị	4	16.608	639	639		
25 Ban kinh tế mới (phòng Nông nghiệp)	3	12.969	499	499		
26 Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp	6	25.823	993	993		
27 Trung tâm phát triển quỹ đất	7	32.059	1.233	1.233		
III Khối giáo dục		18.166.291	698.704	698.704		
1 Mầm non Duyên Hải	24	141.154	5.429	5.429		
2 Mầm non Phạm Kinh Ân	40	233.975	8.999	8.999		
3 Mầm non Thái Hưng	19	94.936	3.651	3.651		
4 Mầm non Hồng An	29	150.015	5.770	5.770		
5 Mầm non Tây Đô	19	109.268	4.203	4.203		
6 Mầm non Hồng Lĩnh	25	148.583	5.715	5.715		
7 Mầm non Tân Hòa	24	131.666	5.064	5.064		
8 Mầm non Điệp Nông	30	154.038	5.925	5.925		
9 Mầm non Hùng Dũng	18	95.751	3.683	3.683		
10 Mầm non Kim Trung	30	171.686	6.603	6.603		
11 Mầm non Nguyễn Tông Quai	36	211.547	8.136	8.136		
12 Mầm non Vũ Thị Thục	26	140.896	5.419	5.419		

STT	 Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
1	2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
13	Mầm non Trần Đức Thông	22	120.356	4.629	4.629		
14	Mầm non Lý Nam Đế	32	179.535	6.905	6.905		
15	Mầm non Thống Nhất	31	152.283	5.857	5.857		
16	Mầm non Cộng Hòa	25	122.155	4.698	4.698		
17	Mầm non Tân Tiến	24	119.985	4.615	4.615		
18	Mầm non Phạm Đôn Lễ	36	179.992	6.923	6.923		
19	Mầm non Dân Chủ	21	120.378	4.630	4.630		
20	Mầm non Trần Thái Tông	27	142.077	5.465	5.465		
21	Mầm non Lê Tư Thành	21	115.685	4.449	4.449		
22	Mầm non Kỳ Đồng	21	118.817	4.570	4.570		
23	Mầm non Thái Phương	28	146.349	5.629	5.629		
24	Mầm non Phúc Khánh	22	117.498	4.519	4.519		
25	Mầm non Minh Khai	17	97.861	3.764	3.764		
26	Mầm non Minh Tân	26	135.668	5.218	5.218		
27	Mầm non Bắc Sơn	23	128.877	4.957	4.957		
28	Mầm non Bùi Hữu Diên	22	126.144	4.852	4.852		
29	Mầm non Văn Lang	23	127.211	4.893	4.893		
30	Mầm non Lưu Khánh Đàm	23	118.260	4.548	4.548		
31	Mầm non Lê Quý Đôn	23	122.536	4.713	4.713		
32	Mầm non Trần Thị Dung	23	122.983	4.730	4.730		
33	Mầm non Chi Lăng	25	136.124	5.236	5.236		
34	Mầm non Hòa Bình	18	94.339	3.628	3.628		


STT	Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quý tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối trợng khác	
1	2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
35	Mầm non Lê Danh Phương	46	234.592	9.023	9.023		
36	Tiểu học Duyên Hải	31	184.980	7.115	7.115		
37	Tiểu học Phạm Kinh Ân	49	338.265	13.010	13.010		
38	Tiểu học Hồng An	31	209.020	8.039	8.039		
39	Tiểu học Tây Đô	26	175.505	6.750	6.750		
40	Tiểu học Tân Hòa	27	186.726	7.182	7.182		
41	Tiểu học Nguyễn Tông Quai	45	295.198	11.354	11.354		
42	Tiểu học Điệp Nông	34	211.351	8.129	8.129		
43	Tiểu học Hùng Dũng	24	160.745	6.183	6.183		
44	Tiểu học Kim Trung	40	277.587	10.676	10.676		
45	Tiểu học Trần Đức Thông	24	162.392	6.246	6.246		
46	Tiểu học Lý Nam Đế	30	194.812	7.493	7.493		
47	Tiểu học Thống Nhất	36	275.639	10.601	10.601		
48	Tiểu học Cộng Hòa	31	209.736	8.067	8.067		
49	Tiểu học Tân Tiến	30	200.460	7.710	7.710		
50	Tiểu học Phạm Đôn Lễ	51	342.916	13.189	13.189		
51	Tiểu học Trần Thái Tông	27	212.480	8.172	8.172		
52	Tiểu học Lê Tư Thành	30	198.044	7.617	7.617		
53	Tiểu học Thái Phương	42	288.971	11.114	11.114		
54	Tiểu học Phúc Khánh	24	181.198	6.969	6.969		
55	Tiểu học Minh Tân	30	169.080	6.503	6.503		
56	Tiểu học Văn Lang	28	210.892	8.111	8.111		



STT	Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
1	2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
57	Tiểu học Lưu Khánh Đàm	24	145.200	5.585	5.585		
58	Tiểu học Chi Lăng	27	161.664	6.218	6.218		
59	Tiểu học Hòa Bình	19	134.687	5.180	5.180		
60	Tiểu học Lê Danh Phương	47	385.064	14.810	14.810		
61	Tiểu học và THCS Lê Quý Đôn	46	299.672	11.526	11.526		
62	Tiểu học và THCS Trần Thủ Độ	43	302.182	11.622	11.622		
63	Tiểu học và THCS Bắc Sơn	46	298.802	11.492	11.492		
64	Tiểu học và THCS Dân Chủ	38	223.738	8.605	8.605		
65	Tiểu học và THCS Thái Hưng	40	294.664	11.333	11.333		
66	Tiểu học và THCS Bùi Hữu Diên	77	336.117	12.928	12.928		
67	Tiểu học và THCS Kỳ Đồng	44	274.507	10.558	10.558		
68	Tiểu học và THCS Vũ Thị Thục	50	348.965	13.422	13.422		
69	Tiểu học và THCS Hồng Lĩnh	45	319.452	12.287	12.287		
70	Tiểu học và THCS Minh Khai	45	327.345	12.590	12.590		
71	THCS Bình Lãng	33	190.857	7.341	7.341		
72	THCS Trần Thái Tông	29	196.576	7.561	7.561		
73	THCS Phúc Khánh	21	131.249	5.048	5.048		
74	THCS Tông Quai	34	221.695	8.527	8.527		
75	THCS Phạm Kính Ân	41	287.119	11.043	11.043		
76	THCS Lý Nam Đế	28	167.094	6.427	6.427		
77	THCS Thái Phương	38	226.562	8.714	8.714		
78	THCS Lê Tư Thành	27	176.384	6.784	6.784		



1	Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8	
79	THCS Tân Hòa	27	166.962	6.422	6.422		
80	THCS Phạm Đôn Lễ	44	285.838	10.994	10.994		
81	THCS Hồng An	30	215.239	8.278	8.278		
82	THCS Trần Đức Thông	23	141.506	5.443	5.443		
83	THCS Điệp Nông	31	201.313	7.743	7.743		
84	THCS Văn Lang	27	165.440	6.363	6.363		
85	THCS Lưu Khánh Đàm	22	116.625	4.486	4.486		
86	THCS Minh Tân	23	158.481	6.095	6.095		
87	THCS Duyên Hải	28	175.801	6.762	6.762		
88	THCS Thống Nhất	33	240.288	9.242	9.242		
89	THCS Hùng Dũng	18	120.612	4.639	4.639		
90	THCS Tân Tiến	28	188.908	7.266	7.266		
91	THCS Kim Trung	32	215.501	8.289	8.289		
92	THCS Tây Đô	25	158.080	6.080	6.080		
93	THCS Cộng Hòa	24	143.350	5.513	5.513		
94	THCS Lê Danh Phương	66	473.536	18.213	18.213		
IV	Khối xã, thị trấn		649.031	520.516	128.516	392.000	
1	Tân Lễ	22	115.335	19.436	4.436	15.000	
2	TT Hưng Nhân	20	106.694	19.104	4.104	15.000	
3	Tiến Đức	22	118.689	16.565	4.565	12.000	
4	Cộng Hòa	20	106.282	16.088	4.088	12.000	
5	Hòa Tiến	18	92.734	15.567	3.567	12.000	

STT	 Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quỹ tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
1	2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8
6	Thái Phương	19	98.878	15.803	3.803	12.000	
7	Hồng An	17	90.578	15.484	3.484	12.000	
8	Minh Tân	20	102.050	15.925	3.925	12.000	
9	Kim Trung	18	90.892	15.496	3.496	12.000	
10	TT Hưng Hà	20	98.530	15.790	3.790	12.000	
11	Minh Hòa	20	98.789	15.800	3.800	12.000	
12	Hồng Minh	18	89.011	15.424	3.424	12.000	
13	Chí Hòa	19	100.842	15.879	3.879	12.000	
14	Thống Nhất	19	102.575	15.945	3.945	12.000	
15	Điệp Nông	22	117.696	16.527	4.527	12.000	
16	Đoan Hùng	18	90.514	15.481	3.481	12.000	
17	Duyên Hải	22	109.269	16.203	4.203	12.000	
18	Đông Đô	19	101.654	15.910	3.910	12.000	
19	Tây Đô	19	103.753	13.991	3.991	10.000	
20	Canh Tân	17	88.090	13.388	3.388	10.000	
21	Tân Hòa	17	90.355	13.475	3.475	10.000	
22	Liên Hiệp	19	87.725	13.374	3.374	10.000	
23	Tân Tiến	17	83.221	13.201	3.201	10.000	
24	Phúc Khánh	19	99.912	13.843	3.843	10.000	
25	Thái Hưng	18	78.377	13.014	3.014	10.000	
26	Độc Lập	16	76.888	12.957	2.957	10.000	
27	Hồng Lĩnh	17	88.280	13.395	3.395	10.000	



1	Tên đơn vị	Biên chế có mặt	Quý tiền lương 01 tháng	Kế hoạch vận động, ủng hộ			Ghi chú
				Tổng số	01 ngày lương	Các đối tượng khác	
2	3	4	5=6+7	6=4/26	7	8	
28	Văn Lang	19	98.221	13.778	3.778	10.000	
29	Minh Khai	17	82.894	13.188	3.188	10.000	
30	Hùng Dũng	21	100.323	13.859	3.859	10.000	
31	Văn Cầm	19	96.235	13.701	3.701	10.000	
32	Dân chủ	19	80.315	13.089	3.089	10.000	
33	Bắc Sơn	17	78.789	13.030	3.030	10.000	
34	Chi Lăng	20	95.701	13.681	3.681	10.000	
35	Hòa Bình	19	81.314	13.127	3.127	10.000	

Ghi chú : Các đối tượng khác : Dự kiến, xã loại I (15 triệu); Loại II (12 triệu); Loại 3 (10 triệu)